

Thứ năm, ngày 2 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 03/07/2020	•		
Tuần 29/6-3/7/2020	•		
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên tăng điểm tích cực vào hôm trước, thị trường đã không còn duy trì được sắc xanh khi nhiều cổ phiếu nhóm ngân hàng giảm ngay từ đầu phiên. Tuy nhiên, mức giảm điểm đã được thu hẹp dần khi sang phiên chiều. Dòng tiền đầu tư suy yếu so với phiên hôm qua khi chỉ có 10/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm, biên độ dao động tương đối hẹp và độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý thận trọng vẫn còn hiện hữu. VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục diễn biến giằng co trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết đều tăng điểm trái ngược với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 740 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 2/7/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Stay-at-home_2.5%**

Phân tích kỹ thuật: DHC_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index giảm **-1.11** điểm, đóng cửa 842.38 điểm. HNX-Index giảm **-0.08** điểm, đóng cửa 111.61 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+0.71); MSN (+0.57); BVH(+0.20); VGC(+0.17); HPG(+0.16)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC(-1.1); VNM (-0.84); GAS (-0.27); BID(-0.23); VRE(-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 2,920 tỷ đồng, giảm **-4.9%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 7.18 điểm, giảm so với phiên liền trước. Thị trường có **168** mã tăng, **47** mã tham chiếu và **210** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-177.16** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **IBC (-56.25 tỷ), VIC (-20.9 tỷ) và POW(-17.45 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.68** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 842.38

Giá trị: 2919.65 tỷ **-1.11 (-0.13%)**

Khối ngoại (ròng): -177.16 tỷ

HNX-INDEX 111.61

Giá trị: 623.32 tỷ **-0.08 (-0.07%)**

Khối ngoại (ròng): -4.68 tỷ

UPCOM-INDEX 55.89

Giá trị: 0.16 tỷ **-0.16 (-0.29%)**

Khối ngoại(ròng): 0.16367 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.1	0.78%
Giá vàng	1,772	0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,205	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,104	0.10%
Tỷ giá JPY/VND	21,614	0.10%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	51.47%
LS TPCP 5 năm	2.0%	1.20%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	18.8	IBC	56.3
GEX	9.3	VIC	20.9
HPG	7.5	POW	17.5
NVL	6.6	DBC	17.0
NLG	4.3	VCB	14.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
2/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Stay-at-home_2.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Stay-at-home	2.5%	3.2%	5.5%	5.5%	5.5%	10.3%	17.9%
Hàng tiêu dùng	1.8%	2.8%	5.8%	5.8%	5.8%	1.9%	20.1%
Lãi suất giảm	1.8%	1.9%	5.8%	5.8%	5.8%	2.6%	19.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.2%	0.6%	5.1%	5.1%	5.1%	5.9%	26.2%
Vật liệu Xây dựng	1.0%	1.0%	3.6%	3.6%	3.6%	1.5%	20.8%
Chiến tranh thương mại	0.6%	-1.2%	2.0%	2.0%	2.0%	-10.3%	18.7%
Xây dựng	0.5%	0.3%	4.5%	4.5%	4.5%	-3.3%	19.5%
Đầu tư công	0.3%	-1.5%	2.7%	2.7%	2.7%	-3.2%	20.3%
Nước & Năng lượng	0.2%	-1.4%	1.7%	1.7%	1.7%	-9.0%	16.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	-2.0%	1.7%	1.7%	1.7%	-16.5%	16.8%
VN Diamond	0.0%	-1.8%	2.1%	2.1%	2.1%	-15.0%	19.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.1%	-1.9%	2.0%	2.0%	2.0%	-13.0%	19.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	-1.1%	1.9%	1.9%	1.9%	-10.7%	18.1%
Corona Avengers	-0.1%	-1.6%	1.9%	1.9%	1.9%	-2.8%	22.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.1%	-1.8%	2.3%	2.3%	2.3%	-13.8%	21.6%
BDS & Khu công nghiệp	-0.1%	-1.3%	1.5%	1.5%	1.5%	-8.1%	17.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.2%	-0.5%	2.2%	2.2%	2.2%	-10.7%	16.1%
Ngành Dược	-0.2%	-0.6%	1.1%	1.1%	1.1%	-7.4%	18.3%
Ngân Hàng	-0.3%	-1.7%	2.4%	2.4%	2.4%	-6.5%	23.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	-1.0%	2.8%	2.8%	2.8%	-3.2%	22.3%
VN FinSelect	-0.3%	-1.9%	2.2%	2.2%	2.2%	-8.4%	19.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.3%	-2.0%	2.4%	2.4%	2.4%	-9.0%	21.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.4%	-1.0%	0.9%	0.9%	0.9%	5.3%	
Dầu khí	-0.5%	-3.0%	1.1%	1.1%	1.1%	-22.7%	25.2%
FTSE Việt Nam	-0.7%	-0.5%	1.5%	1.5%	1.5%	-9.4%	17.1%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	0.3%	0.5%	2.0%	2.0%	2.0%	0.0%	18.9%
L32	0.1%	-1.5%	2.6%	2.6%	2.6%	-9.4%	21.2%
M22	0.0%	-0.9%	1.6%	1.6%	1.6%	-4.0%	19.0%
M12	-0.1%	-1.4%	1.4%	1.4%	1.4%	-8.6%	20.0%
S21	-0.2%	-2.5%	1.4%	1.4%	1.4%	-10.8%	20.1%
L11	-0.2%	-1.1%	1.5%	1.5%	1.5%	-8.8%	17.7%
L22	-0.3%	-1.9%	1.4%	1.4%	1.4%	-8.9%	20.0%
S32	-0.3%	-1.7%	2.2%	2.2%	2.2%	-16.6%	22.6%
M31	-0.4%	-1.3%	1.7%	1.7%	1.7%	-9.7%	
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	1.3%	1.1%	4.2%	4.2%	4.2%	4.6%	17.6%
HIGH3	0.4%	-0.3%	2.7%	2.7%	2.7%	-2.2%	19.4%
LOW1	-0.4%	-1.5%	1.2%	1.2%	1.2%	-7.0%	17.3%
INDEX							
VNINDEX	-0.1%	-1.1%	2.1%	2.1%	2.1%	-12.3%	17.0%
VN30INDEX	-0.2%	-1.2%	2.0%	2.0%	2.0%	-10.6%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	16	9	12	13	14	11
Mục tiêu	9	3	6	3	6	2	7
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

DHC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: DHC đã có sự điều chỉnh ngắn hạn về ngưỡng 34 trong thời gian vừa qua nhưng hiện đang đảo chiều để tiếp tục đà hồi phục từ đầu tháng 4. Thanh khoản cổ phiếu trong phiên hôm nay tăng mạnh và là một tín hiệu tích cực cho thấy sự quan tâm của các nhà giao dịch đã quay trở lại với DHC sau một quãng thời gian khá trầm lắng. Bên cạnh đó, sự hưng phấn trên cũng đưa giá cổ phiếu tăng ấn tượng 6.61%, gần sát mức trần. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đa số đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của DHC. Chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần và còn cách khá xa vùng quá mua nên đà tăng có thể vẫn được duy trì trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DHC nằm tại khu vực 36.5-37. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại vùng giá xung quanh 40, cắt lỗ nếu ngưỡng 35 bị xuyên thủng.



Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực	Link
PC1_Tăng giá	Link
CTI_Xu hướng tăng	Link
VNM_Hưng phấn	Link
GVR_Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 2/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.79	-0.08%	2.80%	7.40%	-28.37%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.03	0.00%	2.20%	6.00%	-33.89%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	121.53	-0.13%	1.50%	7.70%	-31.09%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1770.18	0.01%	0.40%	2.50%	25.88%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.97	-0.21%	1.00%	-0.50%	15.52%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	900.75	0.19%	3.70%	4.70%	-4.56%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	497.00	-0.35%	1.80%	-3.00%	-9.80%		AFX
Sữa	USD /cwt	22.83	-0.09%	9.00%	25.00%	33.90%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	144.13	0.28%	-1.80%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.17	1.76%	2.80%	9.80%	-10.91%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	104.00	2.97%	6.30%	4.00%	-15.14%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6061.00	0.76%	3.30%	10.50%	2.42%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	504.91	0.24%	-1.40%	2.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1621.00	0.09%	2.90%	5.50%	-9.44%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	105.28	0.39%	-1.60%	3.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	51.60	-1.05%	-2.00%	-8.30%	-37.03%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2020 tăng 76 US cent tương đương 1.8% lên 42.03 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 55 US cent tương đương 1.4% lên 39.82 USD/thùng.
- Giá dầu tăng sau số liệu của Cơ quan Thông tin Năng lượng cho biết, tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm hơn so với dự kiến, giảm 7.2 triệu thùng trong tuần trước sau khi đạt mức cao kỷ lục 3 tuần liên tiếp.
- Ngoài ra, hoạt động kinh tế toàn cầu cải thiện cũng hỗ trợ giá. Hoạt động sản xuất của Mỹ trong tháng 6/2020 đạt mức cao nhất trong hơn 1 năm khi nền kinh tế mở cửa trở lại. Tại Trung Quốc, hoạt động nhà máy trong tháng 6/2020 tăng nhanh hơn. Lĩnh vực sản xuất của Đức giảm chậm hơn trong tháng 6/2020, trong khi hoạt động nhà máy của Pháp tăng trở lại.
- Sau thỏa thuận hạn chế nguồn cung, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) sản xuất trung bình 22.62 triệu thùng/ngày trong tháng 6/2020, giảm 1.92 triệu thùng/ngày so với con số điều chỉnh tháng 5/2020.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0,6% xuống 1,770.57 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York giảm 1.1% xuống 1,779.9 USD/ounce. Giá vàng giảm từ mức cao nhất gần 8 năm do thị trường chứng khoán tăng bởi số liệu sản xuất tích cực của Mỹ và gia tăng kỳ vọng vắc xin Covid-19.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.3% xuống 742 CNY/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.06% xuống 3,566 CNY (504.69 USD)/tấn và giá thép cuộn cán nóng giảm 0.45% xuống 3,567 CNY/tấn. Giá thép cây và thép cuộn cán nóng tại Trung Quốc giảm do nhu cầu mùa vụ suy yếu, cùng với hoạt động xây dựng chậm lại.
- Thép cây – nguyên liệu xây dựng chủ yếu – tăng 9.3% trong quý 2/2020, được thúc đẩy bởi các biện pháp kích thích cơ sở hạ tầng của Bắc Kinh và thị trường bất động sản duy trì ổn định. Tuy nhiên, giá giảm do mưa và nắng nóng vào mùa hè có thể cản trở các hoạt động xây dựng.

Giá cao su

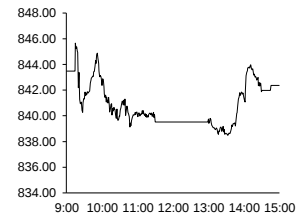
- Giá cao su kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.1 JPY tương đương 0.1% xuống 154.4 JPY/kg. Giá cao su tại Tokyo giảm do các trường hợp nhiễm virus corona trên toàn cầu tăng, đẩy lên mối lo ngại các chính phủ sẽ đóng cửa trở lại tác động đến nhu cầu hàng hóa. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 65 CNY lên 10,225 CNY/tấn.
- Hoạt động nhà máy tại Trung Quốc – nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới – tăng mạnh trong tháng 6/2020, sau khi chính phủ dỡ bỏ các hạn chế song khủng hoảng sức khỏe vẫn tiếp diễn ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và việc làm.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE tăng 0.21 US cent tương đương 1.8% lên 12.17 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 0.6 USD tương đương 0.2% lên 356.3 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 3 US cent tương đương 3% lên 1.04 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 tăng 17 USD tương đương 1.4% lên 1,204 USD/tấn. Giá cà phê Arabica tăng 4 phiên liên tiếp trong bối cảnh thời tiết tại nước sản xuất hàng đầu – Brazil – lạnh và các vấn đề về mùa vụ tại một số khu vực trồng ở Trung Mỹ như Costa Rica.

Hình 1

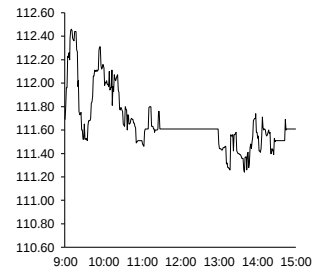
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

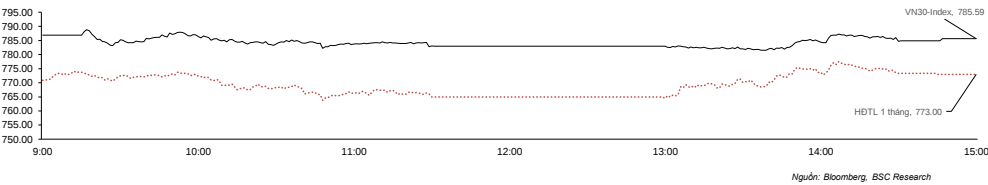
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.77%
Bất động sản	-0.56%
Ngân hàng	-0.30%
Y tế	-0.25%
Du lịch và Giải trí	-0.21%
Dịch vụ tài chính	-0.16%
Công nghệ Thông tin	-0.13%
Bán lẻ	-0.11%
Viễn thông	0.00%
Ô tô và phụ tùng	0.05%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.10%
Hóa chất	0.14%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.20%
Thực phẩm và đồ uống	0.48%
Tài nguyên Cơ bản	0.50%
Dầu khí	0.59%
Truyền thông	1.11%
Xây dựng và Vật liệu	1.13%
Bảo hiểm	1.23%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	773.00	0.57%	-12.59	11.0%	219,722	7/16/2020	14
VN30F2008	763.50	0.46%	-22.09	-2.9%	790	8/20/2020	49
VN30F2009	757.60	0.34%	-27.99	25.8%	117	9/17/2020	77
VN30F2012	755.90	0.65%	-29.69	-59.9%	207	12/17/2020	168

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm 1.23 điểm xuống mức 785.59 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VIC, STB, VPB và TCB tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giảm dần trong phiên sáng nhưng đã có sự hồi phục vào phiên chiều. VN30 có thể sẽ tiếp tục có sự điều chỉnh trong những phiên tới.

• Các HĐTL hầu hết đều tăng điểm trái ngược với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2007 và VN30F2009 tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2012 giảm. Tất cả các hợp đồng đều không có sự thay đổi trong vị thế mở. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 740 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CCTD2001	KIS	12/16/2020	167	10.1	143,960	128.0%	1.0 triệu	55.11%	1,540	2,370	28.11%	1,196	1.98
CHPG2007	KIS	7/16/2020	14	1.1	104,480	199.2%	2.5 triệu	36.44%	1,660	4,590	3.85%	4,646	0.99
CHPG2002	KIS	12/16/2020	167	2.1	101,200	-50.5%	3.0 triệu	36.44%	1,700	1,700	3.66%	1,001	1.70
CHPG2009	HSC	10/29/2020	119	2.1	80,370	160.2%	5.0 triệu	36.44%	1,600	3,240	3.51%	2,915	1.11
CVPB2005	MBS	8/18/2020	47	2.1	106,530	-14.3%	2.0 triệu	44.71%	1,510	1,500	3.45%	1,296	1.16
CMWG2005	VND	10/1/2020	91	2.1	48,530	108.6%	1.0 triệu	39.76%	2,500	3,890	3.18%	1,605	2.42
CHPG2005	VND	10/1/2020	91	1.1	21,250	7.3%	2.0 triệu	36.44%	2,100	8,300	0.61%	8,849	0.94
CMWG2007	SSI	11/30/2020	151	1.1	17,500	-24.1%	2.0 triệu	39.76%	12,900	8,680	0.35%	6,861	1.27
CHDB2003	KIS	12/16/2020	167	2.1	235,790	65.9%	2.0 triệu	39.30%	2,700	960	0.00%	365	2.63
CFPT2004	SSI	8/10/2020	39	1.1	25,870	27.6%	2.0 triệu	32.25%	5,100	5,710	-0.52%	707	8.08
CVHM2002	SSI	11/30/2020	151	1.1	12,800	-49.1%	1.5 triệu	37.08%	11,500	10,450	-1.04%	7,954	1.31
CFPT2003	SSI	11/9/2020	130	1.1	29,000	-8.4%	2.0 triệu	32.25%	7,300	8,510	-1.62%	2,342	3.63
CMBB2003	SSI	11/9/2020	130	1.1	80,800	89.2%	3.0 triệu	34.53%	2,000	1,490	-1.97%	1,034	1.44
CVHM2001	KIS	12/16/2020	167	5.1	102,210	530.5%	2.0 triệu	37.08%	3,100	1,400	-2.10%	564	2.48
CDPM2002	KIS	12/16/2020	167	1.1	51,370	-31.3%	2.0 triệu	41.21%	1,700	2,250	-3.02%	1,326	1.70
CVRE2003	KIS	12/16/2020	167	2.1	150,790	-45.8%	3.0 triệu	44.04%	3,000	880	-5.38%	272	3.23
CVNM2003	MBS	9/4/2020	64	10.1	97,450	-53.0%	3.0 triệu	31.45%	1,450	2,360	-5.60%	2,021	1.17
CVNM2004	SSI	11/30/2020	151	1.1	17,770	-37.3%	2.0 triệu	31.45%	17,500	14,420	-5.69%	7,923	1.82
CVRE2005	SSI	11/30/2020	151	1.1	41,570	-13.8%	1.5 triệu	44.04%	4,000	2,820	-8.44%	2,435	1.16
CSTB2003	KIS	9/16/2020	76	1.1	134,510	-49.5%	3.0 triệu	41.22%	1,360	1,460	-11.52%	851	1.72
Tổng:					1,459,790		44.50 triệu	38.55%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 2/7/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền đa số có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

• Về giá, CMWG2002 và CCTD2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 100% và 28.1%, ở chiều hướng ngược lại, CVRE2004 và CVIC2002 giảm mạnh nhất lần lượt là 53.3% và 50%. Thanh khoản thị trường giảm 12.02%. CHPG2007 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.05% thị trường.

• Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, ngoại trừ CHPG2005, CHPG2007 và CVPB2003. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	57.20	3.06	1.04
HPG	27.60	0.73	0.43
SAB	166.90	2.39	0.36
CTD	79.60	6.99	0.23
HDB	24.70	0.61	0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	113.0	-1.48	-1.26
VIC	89.9	-1.21	-0.69
STB	11.1	-1.34	-0.36
VPB	21.5	-0.69	-0.34
TCB	19.8	-0.25	-0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CCTD2001	96,288	80,888	79,600
CHPG2007	24,659	22,999	27,600
CHPG2002	33,399	29,999	27,600
CHPG2009	25,700	22,500	27,600
CVPB2005	22,520	19,500	21,450
CMWG2005	97,000	92,000	81,800
CHPG2005	21,100	19,000	27,600
CMWG2007	99,900	87,000	81,800
CHDB2003	37,523	32,123	24,700
CFPT2004	55,100	50,000	46,150
CVHM2002	88,500	77,000	76,900
CFPT2003	57,300	50,000	46,150
CMBB2003	20,000	18,000	16,850
CVHM2001	110,067	94,567	76,900
CDPM2002	16,952	15,252	14,300
CVRE2003	43,999	37,999	26,200
CVNM2003	107,094	92,780	113,000
CVNM2004	133,747	116,473	113,000
CVRE2005	32,000	28,000	26,200
CSTB2003	12,471	11,111	11,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	81.8	-0.2%	1.2	1,610	1.2	8,808	9.3	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	58.7	0.2%	1.3	575	0.5	5,248	11.2	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	46.9	2.1%	1.3	1,514	1.0	1,307	35.9	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.0	-1.0%	0.4	292	0.1	2,056	14.6	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	89.9	-1.2%	0.8	13,221	1.6	2,095	42.9	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.2	-0.9%	1.1	2,588	1.1	1,226	21.4	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	61.2	-0.2%	0.8	2,580	2.9	3,584	17.1	2.6	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	31.0	0.3%	0.8	417	0.2	4,976	6.2	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.5	-2.1%	1.3	258	1.1	2,289	5.0	0.8	41.1%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.2	-1.0%	1.3	396	1.5	1,415	10.7	0.9	50.1%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.2	1.4%	1.0	159	0.3	4,240	5.2	0.9	27.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.1	0.0%	1.8	253	0.9	1,480	12.9	1.3	52.2%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.2	-0.1%	0.8	1,573	1.1	4,804	9.6	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.3	-1.0%	0.4	533	0.0	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	70.5	-0.7%	1.5	5,867	0.7	5,820	12.1	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.5	0.9%	1.5	2,356	2.6	869	52.3	2.9	13.8%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.1	-0.8%	1.6	251	0.6	1,238	9.8	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.0	0.0%	0.8	944	0.6	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.0	0.6%	0.5	517	0.0	5,046	18.0	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.3	-0.7%	0.4	243	0.9	1,006	14.2	0.7	11.4%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.7	-1.1%	0.4	200	0.3	415	21.0	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.6	-0.1%	1.2	13,320	1.7	4,848	17.0	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.0	-0.5%	1.4	6,820	0.8	2,140	18.2	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.3	0.0%	1.2	3,610	1.7	2,510	8.9	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.5	-0.7%	1.2	2,273	1.6	3,750	5.7	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.9	-0.3%	1.0	1,767	1.2	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.1	-0.4%	0.9	1,670	1.1	3,780	6.1	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.2	0.7%	0.9	193	0.4	5,303		1.7	81.4%	17.0%
NTP	Nhựa	32.7	1.2%	0.4	167	0.0	4,208	7.8	1.3	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.3	0.7%	0.4	658	0.0	356	43.0	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.6	0.7%	1.1	3,313	15.6	2,764	10.0	1.5	36.1%	17.4%
HSG	Thép	11.8	-2.1%	1.5	227	4.0	1,493	7.9	0.9	12.1%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	113.0	-1.5%	0.7	8,555	3.6	5,453	20.7	6.6	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	166.9	2.4%	0.8	4,653	0.3	6,719	24.8	6.2	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.2	3.1%	1.0	2,907	2.7	3,961	14.4	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.0	0.7%	0.7	356	1.3	171	81.7	1.1	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	58.9	0.2%	0.8	5,575	0.2	3,450	17.1	3.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	107.9	-0.1%	1.1	2,457	1.1	7,110	15.2	3.8	18.2%	26.3%
HVN	Vận tải	25.6	-0.4%	1.7	1,579	0.3	1,654	15.5	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	18.9	0.0%	0.9	244	0.0	1,583	11.9	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.5	-0.9%	1.1	128	0.4	2,117	5.0	0.7	25.0%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.0	-0.8%	0.9	418	0.1	9,201		2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.9	6.9%	0.7	407	1.0	1,453	14.4	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.5	-0.4%	1.0	224	0.0	1,938	7.0	0.9	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	79.6	7.0%	1.0	264	1.4	8,032	9.9	0.7	46.2%	7.3%
VCG	Xây dựng	27.5	0.7%	0.3	528	0.1	1,498	18.4	1.8	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.1	-0.5%	0.3	188	0.6	1,775	10.2	0.8	38.7%	8.5%
POW	Điện	9.6	-1.9%	0.6	978	1.5	1,028	9.3	0.8	11.6%	9.4%
NT2	Điện	21.8	-0.2%	0.5	272	0.2	2,543	8.6	1.5	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	166.90	2.39	0.71	46960.00
MSN	57.20	3.06	0.57	1.09MLN
BVH	46.90	2.07	0.20	474710.00
VGC	20.90	6.91	0.17	1.08MLN
HPG	27.60	0.73	0.16	13.00MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.06	420700.00	1.11MLN
VNM	0.00	-0.84	720480.00	607060.00
GAS	0.00	-0.27	210850.00	373600.00
BID	0.00	-0.23	501500.00	192700.00
VRE	0.00	-0.17	951820.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTD	79.60	6.99	0.12	406980.00
SFI	19.90	6.99	0.01	440.00
KPF	16.85	6.98	0.01	2670.00
UDC	3.37	6.98	0.00	163430.00
THI	26.85	6.97	0.02	3530.00

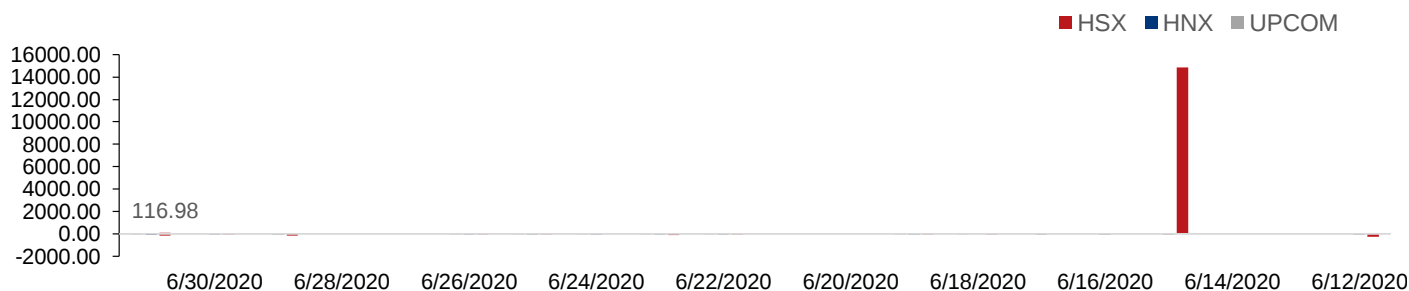
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	27.90	-7.00	-0.02	60.00
MCP	10.00	-6.98	0.00	10.00
VPS	9.21	-6.97	-0.01	3370.00
ACC	16.75	-6.94	0.00	71710.00
DAH	16.80	-6.93	-0.01	1.19MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

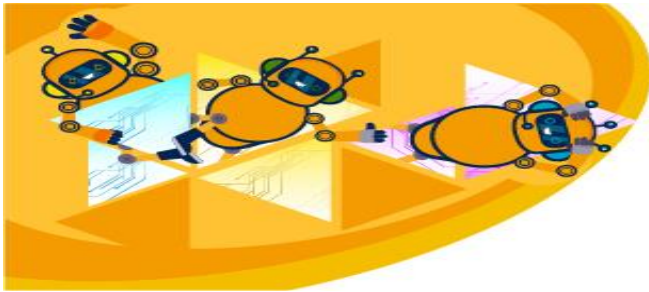
Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.2	3,961	14.4	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	39.5	4,717	8.4	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.8	1,493	7.9	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	42.9	5,479	7.8	2.1	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.3	1,140	16.9	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.6	2,764	10.0	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.8	2,987	6.6	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	58.7	5,248	11.2	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	138.5	5,718	24.2	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.5	2,289	5.0	0.8	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.3	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	19.3	7,637	2.5	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.2	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	43.6		9.8	1.9	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.6	4,848	17.0	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.1	3,780	6.1	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.5	6,553	5.6	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.7	3,887	13.6	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.2	4,804	9.6	2.1	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.9	1,583	11.9	0.9	Click

8



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: pháp phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn